

BÁO CÁO

**Về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 19/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 41/KH-HĐND ngày 19/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giám sát công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo Đoàn giám sát công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2019) như sau:

I. HIỆN TRẠNG THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN

1. Khái quát về tình hình khoáng sản trên địa bàn: Chủng loại, diện tích/trữ lượng, vị trí phân bố; việc thăm dò, đánh giá trữ lượng, quy hoạch/kế hoạch khai thác đã được xây dựng, công bố trên địa bàn; thẩm quyền quản lý đối với khoáng sản có trên địa bàn

1.1. Khái quát về tình hình khoáng sản trên địa bàn: Chủng loại, diện tích/trữ lượng, vị trí phân bố:

- Về chủng loại khoáng sản: Với điều kiện địa hình và tự nhiên, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không phong phú, chủ yếu thuộc nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng như: Đá vôi, đất sét làm gạch ngói, đá xây dựng, cuội, sỏi, cát xây dựng, đất san lấp và than bùn.

- Về Diện tích/trữ lượng:

Theo Quy hoạch khoáng sản giai đoạn năm 2013-2015: Đá xây dựng có diện tích quy hoạch là 10 ha, trữ lượng 4.000.000 m³; Cát xây dựng với trữ lượng 7.406.239 m³; Đất sét làm gạch ngói có diện tích quy hoạch là 65,12 ha, trữ lượng 5.916.583 m³; Đất san lấp có diện tích quy hoạch là 550,22 ha, trữ lượng 36.908.479 m³; Than bùn có diện tích quy hoạch là 72,63 ha, trữ lượng 1.446.580 m³; Cuội sỏi xây dựng có diện tích quy hoạch là 20 ha.

Theo Quy hoạch khoáng sản giai đoạn năm 2016-2020¹: Đá xây dựng có 3 khu vực, diện tích quy hoạch là 72,69 ha, trữ lượng 17.076.000 m³; Cát xây dựng có 16 khu vực, diện tích quy hoạch là 45 ha, trữ lượng 12.873.844 m³; Đất sét làm gạch ngói có 10 khu vực, diện tích quy hoạch là 97,51 ha, trữ lượng 6.508.228 m³;

Đất san lấp có 73 khu vực, diện tích quy hoạch là 565,24 ha, trữ lượng 50.188.523 m³; Than bùn có 8 khu vực, diện tích quy hoạch là 130 ha, trữ lượng

1: Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018

2.466.000 m³; Cuội sỏi xây dựng có 2 khu vực, diện tích quy hoạch là 40 ha, trữ lượng 1.050.000 m³.

- Về vị trí phân bố: Nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét làm gạch ngói, đất san lấp, cuội sỏi xây dựng) phân bố không đồng đều trên địa bàn tỉnh. Hoạt động khai thác khoáng sản trong tỉnh chủ yếu dưới dạng khai thác quy mô nhỏ lẻ, tập trung chủ yếu vào loại khoáng sản đất san lấp và cát xây dựng. Diện tích các khu vực khai thác đất san lấp thường không lớn (nhỏ hơn 10 ha). Những khu vực khai thác phân bố không liên kề nhau, dạng “da beo”, có các bờ tầng “mấp mô”. Cát xây dựng chủ yếu tập trung ở hồ Dầu Tiếng, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông.

1.2. Thăm dò, đánh giá trữ lượng, quy hoạch/kế hoạch khai thác đã được xây dựng, công bố trên địa bàn

- Việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường căn cứ vào Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn đến năm 2020.

- Việc đánh giá trữ lượng căn cứ vào kết quả thăm dò khoáng sản theo đề án thăm dò đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 33, 34, 35 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Định kỳ hàng năm, các tổ chức/cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo kết quả khai thác và thống kê kiểm kê trữ lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản.

- Việc quy hoạch/kế hoạch khai thác đã được xây dựng, công bố trên địa bàn: Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018. Cụ thể tổng số khu vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh: 185 khu vực khoáng sản. Trong đó: 3 khu vực đá xây dựng, 39 khu vực cát xây dựng, 9 khu vực khoáng sản đất sét làm gạch ngói, 126 khu vực đất san lấp, 5 khu vực khoáng sản than bùn, 3 khu vực khoáng sản cuội sỏi.

Hiện tại, Sở Xây dựng đang triển khai thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 699/UBND-KTTC ngày 11/4/2019: “Chủ trì, phối hợp với các

đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố để xây dựng Kế hoạch khai thác hàng năm”; Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện nội dung: “Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành điều kiện, tiêu chí về khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quy hoạch mới”.

1.3. Thẩm quyền quản lý đối với khoáng sản có trên địa bàn

Theo quy định tại Điều 81 Luật Khoáng sản năm 2010 “*Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của Ủy ban nhân dân các cấp*”, UBND tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản trên địa bàn, kịp thời phát hiện và ngăn chặn việc khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép. UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép ở địa phương theo thẩm quyền. Các sở, ngành chức năng tỉnh hướng dẫn kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

2. Hiện trạng thăm dò, khai thác khoáng sản theo từng loại khoáng sản (đến 31/3/2019):

Căn cứ quy định tại Điều 58,59 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt bộ thủ tục hành chính mới tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh. Kết quả là từ năm 2017 đến 31/3/2019, UBND tỉnh cấp 32 giấy phép thăm dò, 51 giấy phép khai thác, cụ thể:

2.1. Số giấy phép hoạt động khoáng sản đã cấp (thăm dò, khai thác):

Giấy phép thăm dò khoáng sản UBND tỉnh đã cấp 32 giấy phép: Cát xây dựng 07 giấy phép, diện tích 3.470.900 m²; Sét gạch ngói 02 giấy phép, diện tích 54.142 m²; Đất san lấp 23 giấy phép, diện tích 1.288.770 m².

Giấy phép khai thác khoáng sản UBND tỉnh đã cấp 51 giấy phép, đang còn hiệu lực: Đá xây dựng 01 giấy phép, trữ lượng khai thác 2.915.267 m³; Cát xây dựng 08 giấy phép, trữ lượng khai thác 3.575.157 m³; Sét gạch ngói 02 giấy phép, trữ lượng 144.476,8 m³; Đất san lấp 40 giấy phép, trữ lượng 5.176.780 m³.

+ Từ ngày 01/01/2017, theo tinh thần chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh tại Biên bản số 340/BB-UBND ngày 14/12/2016: Từ năm 2017, tạm dừng việc tiếp nhận hồ sơ dự án liên quan đến đất san lấp mới (chờ điều chỉnh Quy hoạch). Do trình tự thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản chặt chẽ, qua nhiều công đoạn,

tính từ giai đoạn cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường đến cấp phép khai thác thì mất khoảng 400 ngày. Như vậy các hồ sơ đã được cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trước thời điểm tạm ngưng tiếp nhận hồ sơ mới (01/01/2017) đến năm 2017, 2018 các tổ chức, cá nhân đầy đủ thành phần hồ sơ để UBND tỉnh cấp phép theo Luật Khoáng sản. Riêng trong Quý I, II/2019, số lượng Giấy phép là 03 Giấy.

Trước khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản, tổ chức cá nhân nộp đầy đủ thành phần hồ sơ theo Khoản 1, Điều 51, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, trong đó có Phương án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt các nội dung lấp dựng hàng rào, trồng cây xung quanh mỏ, đắp đê bao quanh mỏ, dựng biển báo nguy hiểm, duy tu sửa chữa đường vận chuyển, tưới đường giảm bụi khi vận chuyển, lắp đặt cống thoát nước. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện trong suốt quá trình khai thác từ khi bắt đầu đến khi kết thúc khai thác. Được chính quyền địa phương các cấp kiểm tra giám sát và xử lý khi vi phạm.

Các giấy phép khai thác khoáng sản được cấp phù hợp với quy hoạch, đảm bảo đúng thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục giải quyết theo quy định.

Các điểm khai thác chủ yếu được quy hoạch, cấp phép để đáp ứng nhu cầu dự án, công trình trên từng địa phương để giảm cự ly khai thác gần với dự án, công trình nên một số mỏ có diện tích quy hoạch tương đối nhỏ, rải rác trên các huyện, cụ thể trong tổng số 51 giấy phép vật liệu san lấp: huyện Bến Cầu có 06 Giấy phép; Châu Thành 15 Giấy phép; Dương Minh Châu 03 Giấy phép; Gò Dầu 02 Giấy phép; Tân Biên 13 Giấy phép; Tân Châu 06 Giấy phép; Trảng Bàng 05 Giấy phép.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu phổ biến: Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Về quy trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định về lựa chọn các tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò khoáng sản, sau 30 ngày thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, tên loại khoáng sản và vị trí thăm dò khoáng sản để lựa chọn tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

- Đánh giá năng lực thực hiện thực tế của nhà thầu trong triển khai thực hiện giấy phép (*nhân lực, công nghệ, thời gian thực hiện, báo cáo kết quả,...*): Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản đều có vốn chủ sở hữu đúng quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; nguồn nhân lực là lao động địa phương, chủ yếu sử dụng máy móc thiết bị đơn giản là xe cuốc, xe tải.

Sau khi Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 có hiệu lực, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát phê duyệt khu vực không đấu giá, theo quy hoạch mới hiện nay chưa thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

2.2. Việc gia hạn, thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

- Đối với giấy phép thăm dò khoáng sản: không có trường hợp thu hồi và gia hạn giấy phép.

- Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: UBND tỉnh đã gia hạn 07 giấy phép khai thác; không cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thu hồi một phần diện tích khu vực khai thác của Giấy phép khai thác khoáng sản cát xây dựng số 1799/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 với tổng chiều dài là 170 m; diện tích 14.370 m² trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Các giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp đúng theo trình tự thủ tục được quy định tại Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc công bố, công khai bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh và Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Điều 60 Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010.

2.3. Các quyết định phê duyệt trữ lượng đã ban hành:

UBND tỉnh đã ban hành 30 quyết định phê duyệt trữ lượng đất san lấp và 05 quyết định phê duyệt trữ lượng cát xây dựng (Phụ lục II). Quyết định phê duyệt trữ lượng đảm bảo theo trình tự thủ tục được quy định tại Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc công bố, công khai bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh và Điều 34, 35 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Điều 49, 50 Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010.

Việc thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép đã được các các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện theo quy định. Định kỳ hàng năm, các tổ chức/cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo kết

quả khai thác và thống kê kiểm kê trữ lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản. Tuy nhiên, công tác thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn bất cập, hình thức.

3. Kết quả khai thác, chế biến và sử dụng từng loại khoáng sản (sản lượng; giá trị sản xuất; tỷ lệ đóng góp trong ngành công nghiệp, trong GRDP của tỉnh; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn...)

3.1. Kết quả khai thác, chế biến và sử dụng từng loại khoáng sản: Sản lượng khoáng sản đã khai thác và sử dụng trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 8.083.457 m³. Trong đó, đá xây dựng: 675.000 m³; cát xây dựng: 472.333,3 m³; đá vôi: 3.362.088,3 m³ và đất sét: 764.845,8 m³; đất san lấp: 2.809.189,3 m³.

Khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn: Nhu cầu sử dụng và sản lượng cung ứng trong kỳ quy hoạch như sau:

- Đối với đá xây dựng: Nguồn cung ứng là mỏ Lộc Trung, xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu đang hoạt động khai thác, được gia hạn giấy phép khai thác đến 30/4/2024 với trữ lượng còn lại 2.915.267m³, công suất khai thác 450.000m³/năm, diện tích khai thác 14,20 ha. Giai đoạn 2018-2020: Trữ lượng đưa vào kỳ quy hoạch của mỏ Lộc Trung được tính bằng 100% công suất khai thác thiết kế, kết quả là 1.350.000m³, đáp ứng 28,70% tổng nhu cầu giai đoạn 2018-2020, nhu cầu đá xây dựng của giai đoạn này còn thiếu.

- Đối với cát xây dựng: Theo bảng cân đối trên, nguồn cung ứng cát trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn 2018-2020 đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng.

- Đối với đất sét làm gạch ngói: Theo bảng cân đối trên, nguồn cung ứng đất sét làm gạch ngói trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn 2018-2020 đáp ứng gần đủ nhu cầu sử dụng.

- Đối với đất san lấp: Theo bảng cân đối trên, nguồn cung đất san lấp trong giai đoạn 2018-2020 không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Loại khoáng sản	Tổng trữ lượng, tài nguyên (m ³)	Nhu cầu (m ³)		Sản lượng cung ứng (m ³)		Thừa (+) / Thiếu (-) (m ³)	
		2018-2020	2021-2025	2018-2020	2021-2025	2018-2020	2021-2025
Đá xây dựng	72.302.767	4.702.880	9.862.940	4.850.000	10.452.767	+147.120	+589.827
Cát xây dựng	20.583.370	7.745.920	16.257.874	7.851.661	8.048.414	+105.741	- 8.209.460
Đất sét làm gạch ngói	10.797.337	3.665.480	7.687.533	3.616.596	7.180.741	-48.884	-506.792

Vật liệu san lấp	74.007.092	48.000.000	100.000.000	47.741.256	24.159.912	-258.744	75.840.088
Than bùn	2.164.807	381.483	560.000	381.483	560.000	0	0
Cuội sỏi	9.400.000	0	0	0	0	0	0

3.2. Tỷ lệ đóng góp trong ngành công nghiệp, trong GRDP của tỉnh: Số tiền đóng góp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản của 02 năm 2017 và năm 2018 là 69.213.627.719 đồng, gồm tiền cấp quyền, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường.

4. Việc thực hiện các yêu cầu về quy định, thủ tục đóng cửa mỏ (đến 31/3/2019 đã ban hành bao nhiêu quyết định đóng cửa mỏ; tiến độ đóng cửa mỏ và quản lý khai thác tận thu, phục hồi môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ):

Trước khi có Luật Khoáng sản năm 2010: Công tác đóng cửa mỏ chưa được quản lý chặt chẽ nên nhiều moong kết thúc khai thác chưa đúng thiết kế, hàng rào, trồng cây, lấp biển báo nguy hiểm, bờ moong chưa đảm bảo, đáy moong chưa được cải tạo, san gạt.

Từ khi có Luật Khoáng sản năm 2010: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, yêu cầu các chủ giấy phép khai thác khoáng sản phải lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ theo đúng quy định pháp luật về khoáng sản. Các nội dung: Trồng cây xung quanh mỏ dọc theo bờ bao và ranh khu đất; Gia cố và lấp mới hàng rào xung quanh mỏ dọc theo ranh đất và bờ bao; Thông báo cơ quan chức năng kiểm tra khối lượng đóng cửa mỏ đã thực hiện; Cải tạo san gạt đáy moong theo địa hình hiện trạng tại mỏ, gia cố bờ bao; Bơm nước tháo khô đáy moong ..., được các chủ giấy phép cam kết thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức nghiệm thu, trình UBND tỉnh xác nhận kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

Căn cứ Điều 73, 74, 75 Luật Khoáng sản năm 2010, từ năm 2017 đến 31/3/2019, UBND tỉnh ban hành 37 quyết định đóng cửa mỏ (Phụ lục II). Công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ đóng cửa mỏ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại .

Tiến độ đóng cửa mỏ và quản lý khai thác tận thu, phục hồi môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ như sau: Công tác bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản đã được lãnh đạo các cấp chú trọng, quan tâm thường xuyên, cụ thể: Đối với khai thác cát xây dựng thì yêu cầu chủ giấy phép giải tỏa bến bãi, phục hồi cảnh quan môi trường. Tưới nước giảm bụi trên đường vận chuyển, sửa chữa đường, che phủ vải bạt khi vận chuyển. Đối với khai

thác đất san lấp thì lấy ý kiến cộng đồng dân cư khu vực có dự án, lập hàng rào, trồng cây xung quanh mỏ, nếu địa hình dương thì yêu cầu trồng cây, phục hồi cảnh quan tiếp tục sản xuất nông nghiệp, nếu địa hình âm thì yêu cầu lập hàng rào bảo vệ moong khai thác, đào đắp taluy cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động đóng cửa mỏ gia đoạn trước khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, còn nhiều bất cập như: nhiều moong kết thúc khai thác chưa đúng thiết kế; hàng rào, trồng cây, lấp biển báo nguy hiểm, bờ moong chưa đảm bảo, đáy moong chưa được cải tạo, san gạt, ...

5. Tình hình thực hiện các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong khai thác, vận chuyển, sử dụng đối với từng loại khoáng sản (*phương tiện khai thác, bến bãi vận chuyển, an toàn lao động,...*)

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 06 đơn vị khai thác cát xây dựng được cấp giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm³, tổng cộng Sở Xây dựng đã tiếp nhận 15 hồ sơ chứng nhận hợp quy sản phẩm. Các Doanh nghiệp khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng đã thực hiện đồng bộ việc gắn logo cho từng phương tiện; trên tàu đã có đầy đủ các loại giấy tờ cho phép hoạt động trong mỏ, được đóng thành tập và có dấu xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường về thành phần hồ sơ để thuận tiện cho các cơ quan chức năng khi kiểm soát trên hồ; đã lắp đặt trạm cân, lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan theo quy định.

Việc cấp phép các bãi tập kết cát đảm bảo quy định; các phương tiện khai thác được đăng ký, đăng kiểm đúng theo khối lượng khai thác trong giấy phép; đã được Tổng cục Thủy lợi chấp thuận chủ trương vị trí hoạt động bến bãi trong công trình thủy lợi, cho khai thác và xây dựng đường vào bãi tập kết cát trong hồ Dầu Tiếng để phục vụ hoạt động vận chuyển cát ra ngoài khu vực. Các vị trí được cấp phép khai thác cát tại sông nhánh, rạch phía thượng nguồn, cự ly từng mỏ, từng bến bãi cách xa nhau không tập trung, tránh làm ảnh hưởng hồ và cảnh quan môi trường.

Tính đến nay, khu vực hồ Dầu Tiếng có 18 Giấy phép khai thác khoáng sản cát của 16 Doanh nghiệp (Tây Ninh cấp 16 Giấy phép cho 14 Doanh nghiệp). Song song với việc cấp giấy phép khai thác cát, Tây Ninh có 19 bến thủy nội địa được cấp phép với mục đích xếp dỡ hàng, tập kết cát.

6. Tình hình thực hiện các quy định về cải tạo, phục hồi cảnh quan môi trường sau khai thác; đánh giá hiện trạng, tác động môi trường của các mỏ khoáng sản (*ký quỹ, cam kết...*)

6.1. Tình hình thực hiện các quy định về cải tạo, phục hồi cảnh quan môi trường sau khai thác

3: Phụ lục I: Danh sách các đơn vị khai thác cát xây dựng đã cấp giấy chứng nhận hợp quy.

Việc thực hiện các quy định về cải tạo, phục hồi cảnh quan môi trường sau khai thác: Trước năm 2015, UBND cấp huyện xác nhận cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu tại Phụ lục số 27 thuộc Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008.

Sau khi Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có hiệu lực. Nội dung thông tư Quy định Cam kết bảo vệ môi trường đổi tên thành Kế hoạch bảo vệ môi trường. Đối với khoáng sản cát xây dựng thuộc danh mục các dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tại phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp thẩm định nội dung này. Thành phần hồ sơ gồm: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường; Báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường. Trình tự thực hiện thủ tục: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra vị trí khu vực (nếu cần), dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thông qua nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường. Sau khi đơn vị chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, rà soát các nội dung sau khi chủ dự án chỉnh sửa bổ sung hoàn chỉnh phương án cải tạo phục hồi môi trường, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường.

Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường cần thực hiện trong suốt quá trình khai thác từ khi bắt đầu đến khi kết thúc khai thác như: lấp dựng hàng rào, trồng cây xung quanh mỏ, đắp đê bao quanh mỏ, dựng biển báo nguy hiểm, duy tu sửa chữa đường vận chuyển, tưới đường giảm bụi khi vận chuyển, lắp đặt cống thoát nước các đơn vị hoạt động khoáng sản nghiêm túc thực hiện.

Hầu hết các đơn vị hoạt động khoáng sản đều cải tạo, phục hồi môi trường, tuy nhiên, còn một số trường hợp khai thác chưa đúng thiết kế kỹ thuật được phê duyệt về bờ bao, taluy, hàng rào, biển báo nguy hiểm, trồng cây xanh xung quanh khu vực khai thác.

Sở đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm và kiểm tra đột xuất lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật.

6.2. Đánh giá hiện trạng, tác động môi trường của các mỏ khoáng sản (kỳ quỹ, cam kết...)

Việc thực hiện các quy định về cải tạo, phục hồi cảnh quang môi trường sau khai thác đã được lãnh đạo các cấp chú trọng, quan tâm thường xuyên, cụ thể: Đối với khai thác cát xây dựng thì yêu cầu chủ giấy phép giải tỏa bến bãi, phục hồi cảnh quan môi trường, tưới đường, sửa chữa đường vận chuyển, che phủ vãi bột khi vận chuyển. Đối với khai thác đất san lấp nếu địa hình dương thì yêu cầu trồng cây, phục hồi cảnh quan tiếp tục sản xuất nông nghiệp. Nếu địa hình âm thì yêu cầu lập hàng rào bảo vệ moong khai thác, đào đắp taluy cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản.

Theo các quyết định phê duyệt đề án cải tạo phục hồi môi trường, số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường phải nộp năm 2017 và 2018 là 6.260.974.037 đồng; theo số liệu của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh đến ngày 27/11/2018, Quỹ đã tiếp nhận 74 lượt ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là 7.741.096.779 đồng (do số tiền phê duyệt trước năm 2017 chuyển qua).

Hầu hết các đơn vị hoạt động khoáng sản đều cải tạo, phục hồi môi trường trong suốt quá trình khai thác từ khi bắt đầu đến khi kết thúc khai thác như: lấp dựng hàng rào, trồng cây xung quanh mỏ, đắp đê bao quanh mỏ, dựng biển báo nguy hiểm, duy tu sửa chữa đường vận chuyển, tưới đường giảm bụi, lắp đặt cống thoát nước. Do đó, tác động môi trường của các mỏ khoáng sản đã được giảm đi đáng kể.

7. Kết quả thực hiện các quy định đảm bảo quyền lợi của địa bàn có khoáng sản khai thác (đầu tư lại của ngân sách, đóng góp của đơn vị khai thác khoáng sản).

- Về đầu tư lại của ngân sách: Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP quy định về đảm bảo kinh phí chi cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Hiện tại, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 về việc phê duyệt Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó, UBND tỉnh yêu cầu UBND cấp xã trực thuộc lập kế hoạch bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn (hàng năm). Bố trí nguồn ngân sách cho UBND cấp xã nơi có hoạt động khoáng sản trái phép để thực hiện công tác bảo vệ.

- Về đảm bảo quyền lợi của địa bàn có khoáng sản khai thác quy định tại Điều 5 Luật Khoáng sản năm 2010, quy định: “Địa phương nơi có khoáng sản được khai thác được Nhà nước điều tiết khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm: a) Hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật; ... c) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan”.

- Về đóng góp của đơn vị khai thác khoáng sản: Các đơn vị khai thác khoáng sản đã xây dựng 20 công trình hạ tầng kỹ thuật; 14 công trình công cộng hỗ trợ; đóng góp 10.021.000.000 đồng cho các công trình phúc lợi xã hội; hỗ trợ hơn 1.200 m³ đá các loại sửa chữa đường giao thông nông thôn; Góp vốn nâng cấp, cải tạo cầu Đại Thắng và cầu Bồ Túc 2,1 tỉ đồng; đóng góp 100% kinh phí thực hiện gia cố cầu Sài Gòn 1 giai đoạn 2011-2012 với số tiền 1,79 tỉ đồng; đóng góp xây dựng cầu Sài Gòn mới 11,970 tỉ đồng; hỗ trợ làm đường 794 số lượng xi măng 10.000 tấn tương đương 11,440 tỉ đồng; xây dựng công trình công cộng, hỗ trợ, phúc lợi: Tài trợ đội bóng đá tỉnh Tây Ninh 6 tỉ đồng; đóng góp thường xuyên hàng năm cho hoạt động an sinh huyện Tân Châu, huyện Dương Minh Châu và tỉnh Tây Ninh với tổng số tiền 950 triệu đồng.

- Số lao động địa phương được sử dụng trên địa bàn tỉnh khoảng 959 người.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:

1. Công tác ban hành văn bản

Ngoài việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản phối hợp cùng với các tỉnh, thành phố trong khu vực và giáp ranh ký kết quy chế phối hợp, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo vệ tài nguyên khoáng sản của tỉnh và vùng lân cận. Nội dung của các quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chủ yếu việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Kết quả là từ năm 2017 đến 31/3/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 32 Công văn triển khai thực hiện các văn bản cấp trên và 32 Công văn điều hành, chỉ đạo (Phụ lục II).

Trong những năm qua, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, giúp cho hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân ngày càng nề nếp hơn, tạo được chuyển biến rõ rệt.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khoáng sản là giải pháp quan trọng để đưa luật vào cuộc sống, để đạt mục tiêu quản lý nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức và hành động về lĩnh vực khoáng sản. Tại Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 25/4/2011 về định hướng

chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã nêu rõ: “Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản cần có sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức và hành động của nhân dân, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản dưới nhiều hình thức và phương pháp phù hợp. Tập trung phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 02 cuộc triển khai các văn bản của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường trong lĩnh vực khoáng sản và tài nguyên nước cho khoảng 400 lượt người gồm cán bộ của 95 xã phường, thị trấn và 9 huyện, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Một số văn bản quy phạm pháp luật được tổ chức phổ biến, quán triệt gồm: Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Một số điều của Luật Khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Bên cạnh đó, thông qua kiểm tra, xử lý, đoàn kiểm tra khoáng sản tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản. Qua công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về khoáng sản, nhận thức của cán bộ, công chức viên chức (nhất là cán bộ cấp xã) làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, các tổ chức, cá nhân, tham gia hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản từng bước được nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản.

2. Việc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch khoáng sản theo thẩm quyền; công bố công khai quy hoạch, kế hoạch hoạt động khoáng sản trên địa bàn; tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (theo Điều 18 Luật Khoáng sản)

- Việc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch khoáng sản theo thẩm quyền: Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân tỉnh Tây Ninh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 về việc phê Quy hoạch

thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Về công bố công khai quy hoạch và kế hoạch hoạt động khoáng sản trên địa bàn: Sở Xây dựng đã công bố công khai Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo Điều 18 Luật Khoáng sản: Ngày 22/3/2019, UBND tỉnh có Quyết định số 694/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Việc triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn:

- Kết quả khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Ngày 02/7/2018, UBND tỉnh có Quyết định số 1599/QĐ-UBND phê duyệt các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Kết quả khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường và Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều thuộc khu vực không đấu giá. Hiện nay, Sở Tài nguyên đang xem xét từng vị trí cụ thể để tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định khu vực đấu giá theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Kết quả thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Năm 2017, lũy kế số tiền cấp quyền phải thu là 817.807.744 đồng; Số tiền đã thu là 817.807.744 đồng; Năm 2018, tổng số tiền cấp quyền phải thu là 9.278.327.025 đồng; Tổng số tiền đã thu là 9.278.327.025 đồng.

- Công tác tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản và cấp phép hoạt động khoáng sản: Việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản căn cứ vào kết quả thăm dò khoáng sản theo đề án thăm dò đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 33, 34, 35 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc công bố, công khai bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Tài nguyên và Môi

trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh. Định kỳ hàng năm, các tổ chức/cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo kết quả khai thác và thống kê kiểm kê trữ lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản. Kết quả là từ năm 2017 đến 31/3/2019, UBND tỉnh cấp 35 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

- Công tác kiểm tra quản lý sau cấp phép: Việc quản lý và kiểm tra luôn được quan tâm thực hiện thường xuyên hàng năm và đặc biệt là từ năm 2017 trở lại đây, Sở đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm và kiểm tra đột xuất lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật.

- Kết quả thực hiện các quy định về đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản: kế hoạch đấu giá, công bố thông tin, số lượng các nhà thầu tham gia, kết quả xét lựa chọn nhà thầu: UBND tỉnh đã phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 13/12/2013, các giấy phép hoạt động khoáng sản được cấp từ năm 2017 đến 31/12/2019 đều thuộc trường hợp không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Hiện nay, căn cứ Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Sở Tài nguyên và Môi trường đang xem xét từng vị trí cụ thể để tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định khu vực không đấu giá.

- Việc cho thuê đất, cho phép sử dụng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thủy lợi,...) phục vụ hoạt động khoáng sản: Theo quy định tại Điều 81 Luật Khoáng sản quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật”*. Các giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều phải thuê đất theo quy định.

- Các biện pháp hạn chế, khắc phục tác động, ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh khu vực khai thác đã được các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản cam kết thực hiện đúng theo Phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

- Công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự liên quan hoạt động khoáng sản: Công tác bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường

sau khai thác khoáng sản đã được lãnh đạo các cấp chú trọng, quan tâm thường xuyên, cụ thể: Đối với khai thác cát xây dựng thì yêu cầu chủ giấy phép giải tỏa bến bãi, phục hồi cảnh quan môi trường, tưới đường, sửa chữa đường vận chuyển, che phủ vãi bột khi vận chuyển. Đối với khai thác đất san lấp nếu địa hình dương thì yêu cầu trồng cây, phục hồi cảnh quan tiếp tục sản xuất nông nghiệp. Nếu địa hình âm thì yêu cầu lập hàng rào bảo vệ moong khai thác, đào đắp taluy cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản.

- Việc theo dõi, thống kê, kiểm đếm sản lượng khai thác của nhà thầu theo giấy phép đã cấp: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Luật Khoáng sản: *“Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác, sản lượng khoáng sản đã khai thác, chịu trách nhiệm về số liệu đã thống kê, kiểm kê. Kết quả thống kê, kiểm kê của năm báo cáo phải gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản”*. Định kỳ hàng năm, các tổ chức/cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo kết quả khai thác và thống kê kiểm kê trữ lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản. Hầu hết các đơn vị được cấp phép khai thác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản và báo cáo định kỳ hàng năm về Sở Tài nguyên và Môi trường đúng quy định. Các đơn vị thực hiện chưa đúng quy định Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Thanh tra Sở xử lý theo quy định pháp luật.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã thực hiện:

- + Thuế Tài nguyên: 52.248.522.825 đồng;
- + Phí Bảo vệ môi trường: 7.277.873.997 đồng
- + Tiền cấp quyền: Năm 2017, lũy kế số tiền cấp quyền phải thu là 817.807.744 đồng; Số tiền đã thu là 817.807.744 đồng; Năm 2018, tổng số tiền cấp quyền phải thu là 9.278.327.025 đồng; Tổng số tiền đã thu là 9.278.327.025 đồng.

- + Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường: Theo số liệu của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh đến ngày 27/11/2018: Quỹ đã tiếp nhận 74 lượt ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là 7.741.096.779 đồng. Số phải nộp năm 2017 và 2018 theo các quyết định phê duyệt đề án cải tạo phục hồi môi trường là 6.260.974.037 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản (số vụ việc vi phạm, số vụ việc đã xử lý; các vấn đề nổi cộm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo):

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 28 đợt thanh tra, kiểm tra đối với 91 tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Kết quả có 18 đơn vị vi phạm, UBND tỉnh và Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 18 trường hợp, với tổng số tiền 804.313.350 đồng, với những hành vi vi phạm cụ thể như sau: Sử dụng tài sản sau khai thác (hạ cấp ruộng) trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình; hoạt động không có giám đốc điều hành mỏ; khai thác khoáng sản làm vật liệu thông thường trong diện tích đất thuộc thẩm quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân; khoan thăm dò địa chất, nguồn nước mà chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản; khai thác không đúng trình tự khai thác, hệ thống khai thác; ... xác định trong thiết kế mỏ được phê duyệt hoặc nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản, dự án đầu tư khai thác khoáng sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản, khai thác không đúng hệ thống mở vỉa (đối với khai thác lộ thiên), khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp giấy phép, khai thác trái phép.

Thu hồi 01 giấy phép bên thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản. Trục xuất 104 tàu (trong đó 82 tàu có trang bị dụng cụ bơm hút cát, nhưng không nằm trong kế hoạch khai thác được cấp phép; 22 tàu dự phòng của các doanh nghiệp) ra khỏi hồ Dầu Tiếng.

Sở Tài nguyên và Môi trường kết hợp với Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Tây Ninh bắt 09 vụ, xử phạt 05 vụ với số tiền 156.500.000 đồng, tịch thu 129,11 m³ cát, 04 vụ đang xác minh, làm rõ.

Việc phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, không để xảy ra lợi ích nhóm đã góp phần chấn chỉnh, răn đe phòng ngừa các hành vi vi phạm, tình trạng vi phạm giảm nhiều so với trước đây.

5. Công tác phối hợp giữa các ngành chức năng liên quan và các địa phương trong thực hiện chính sách, pháp luật quản lý hoạt động khoáng sản:

Ngoài việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý nhà nước theo thẩm quyền để triển khai thực hiện Luật khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Phối hợp cùng với các tỉnh, thành phố trong khu vực và giáp ranh ký kết quy chế phối hợp, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo vệ tài nguyên khoáng sản của tỉnh và vùng lân cận như:

- Quy chế phối hợp số 37/QCPH-TPHCM-BRVT-ĐN-BD-LA-TG-BP-LĐ ngày 06/01/2017 giữa UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND các tỉnh Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Bình Phước, Lâm Đồng;

- Quy chế phối hợp số 1416/QCPH-TN-BD ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh và UBND tỉnh Bình Dương về kiểm tra hoạt động khai thác, kinh doanh, vận chuyển, tập kết cát trên sông Sài Gòn và hồ Dầu Tiếng đoạn giáp ranh giới hành chính giữa hai tỉnh Bình Dương và Tây Ninh.

- Quy chế phối hợp số 7113/QCPH-TNMT-NN&PTNT-XD-GTVT-CT-CAT-CTT-UBND-LDTPH-TLTN ngày 11/12/2017 các Sở, ngành và UBND các huyện liên quan về việc quản lý hoạt động khai thác khoáng sản cát xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giữa các Sở Tài nguyên và Môi trường – Nông nghiệp & PTNT – Xây dựng, Giao thông Vận tải – Công Thương – Công an tỉnh – Cục Thuế tỉnh – UBND huyện Tân Châu – UBND huyện Dương Minh Châu – Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng Phước Hòa – Công ty TNHH MTV KTTL Tây Ninh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai và thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, có hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn như Luật Khoáng sản, Luật Thủy lợi ... và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện đúng quy trình, quy định trong việc lập, phê duyệt quy hoạch liên quan đến hoạt động khoáng sản làm cơ sở cho công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dân sinh.

- Chỉ đạo và bảo đảm thực hiện quy trình cho chủ trương, thẩm định cấp phép khai thác khoáng sản chặt chẽ, đúng quy định pháp luật, hạn chế sai sót.

- Chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh trong hoạt động khoáng sản, hạn chế nhiều sai sót vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này cũng như khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động khoáng sản thời gian qua. Quan tâm phối hợp với các tỉnh có liên quan trong quản lý khoáng sản trong khu vực hồ Dầu Tiếng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất hoạt động khoáng sản đã kịp thời phát hiện chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này, góp phần ngăn chặn không để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn.

2. Khó khăn, hạn chế, bất cập:

2.1. Khó khăn:

Quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 và Luật Khoáng sản năm 2010 chưa thống nhất về thẩm quyền cấp phép khai thác cát

trong phạm vi công trình thủy lợi; về thời gian khai thác cát và thời gian hoạt động trong phạm vi công trình thủy lợi (có Công văn số 1745/STNMT-PQLTN ngày 03/4/2019 kèm theo).

Công tác phối hợp trong chỉ đạo, hướng dẫn giữa hai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường trong lĩnh vực này có lúc chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời.

Hồ Dầu Tiếng nằm trên địa bàn thuộc 3 tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bình Phước. Tuy nhiên, phần phân công trách nhiệm tại Điều 2 Quyết định số 166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ lại chưa đề cập đến 02 tỉnh là Bình Dương và Bình Phước. Nên việc phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát khai thác khoáng sản cát trong hồ Dầu Tiếng gặp khó khăn.

Tình trạng khai thác cát trái phép trong vùng giáp ranh khu vực hồ Dầu Tiếng còn xảy ra. Do diện tích mặt hồ rất rộng, nhiều nơi không có dân cư nên việc phát hiện hành vi vi phạm gặp khó khăn. Việc phát hiện xử lý vi phạm vùng giáp ranh khó khăn vì khi phía Tây Ninh tăng cường kiểm tra xử lý thì tàu, ghe di chuyển qua vùng giáp ranh giữa các tỉnh nên Tây Ninh không xử lý được.

2.2. Hạn chế:

- Công tác tuyên truyền pháp luật có mặt còn hạn chế, chưa đa dạng phong phú về hình thức, chưa sát với từng đối tượng nên hiệu quả chưa cao.

- Công tác kiểm tra, giám sát có mặt còn hạn chế, có lúc chưa kịp thời nhất là công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản sau cấp phép của các ngành, địa phương chưa chặt chẽ dẫn đến còn dễ xảy ra sai phạm trong công tác quản lý, khai thác khoáng sản.

- Tình trạng vi phạm pháp luật trong khai thác khoáng sản nhất là khai thác đất san lấp, cát xây dựng vẫn còn xảy ra.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương có liên quan trong quản lý các hoạt động khai thác cát của doanh nghiệp có lúc chưa chặt chẽ.

3. Nguyên nhân

- Về chủ quan: Một số cấp ủy, chính quyền huyện, xã một số nơi chưa tập trung quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; công tác quản lý nhà nước về khoáng sản có lúc chưa chặt chẽ, việc xác định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm trong công tác quản lý khoáng sản đối với tổ chức, cá nhân có liên quan chưa nghiêm nên chưa nâng cao trách nhiệm và hiệu lực quản lý nhà nước. Từng ngành, địa phương có liên quan chậm có nơi chưa cụ thể hóa kế hoạch, giải pháp trong thực hiện, công tác phối hợp có lúc chưa chặt chẽ. Việc kiểm tra, giám sát có lúc chưa kịp thời, ý thức chấp hành của một số tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực khai thác khoáng sản

chưa cao, một bộ phận tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ dẫn đến hành vi vi phạm trong khai thác khoáng sản.

- Về khách quan: Khoáng sản nói chung, đất san lấp, cát xây dựng nói riêng là nguyên liệu đầu vào quan trọng không thể thiếu nhất là khi chưa có nguồn nguyên liệu nhân tạo thay thế. Nhu cầu về đất san lấp, cát xây dựng là rất lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dân sinh, lại có giá trị kinh tế cao, trong khi công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập (từ chế định pháp luật, chế tài đến hoạt động quản lý) dẫn đến tổ chức, cá nhân tìm kẽ hở để lợi dụng (kể cả hợp pháp và bất hợp pháp) nên công tác đấu tranh phòng chống vi phạm là phức tạp và khó khăn. Hiện nay, nguyên liệu cát xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, dân sinh ở địa phương nói riêng và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bình Phước tập trung chủ yếu ở khu vực hồ Dầu Tiếng. Tuy nhiên công tác phối hợp giữa cơ quan chức năng của tỉnh với Bình Dương, Bình Phước chưa chặt chẽ, kịp thời. Mặt hồ rộng liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều địa phương gây khó khăn cho công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản.

IV. KIẾN NGHỊ:

Đối với Trung ương trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật:

Bổ sung trách nhiệm của UBND tỉnh Bình Dương và UBND tỉnh Bình Phước vào phân phân công trách nhiệm nêu tại khoản 2, điều 2, Quyết định số 166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo tỉnh Bình Dương, Bình Phước phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp để quản lý các hoạt động khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng chặt chẽ đúng quy định, nhất là đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn tình trạng khai thác cát trái phép.

Trên đây là báo cáo về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: *ly*

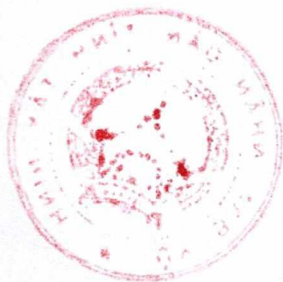
- HĐND tỉnh;
- Sở TNMT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVKTN;
- Lưu VT.

§

K1. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc



PHỤ LỤC I

Các đơn vị khai thác cát xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
(Kèm theo Báo cáo số: 165 /BC-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số giấy phép	Thông báo tiếp nhận hợp quy số	Tên tổ chức cá nhân được cấp giấy phép	Tên khoáng sản chính và đi kèm	Tổ chức chứng nhận được chỉ định	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn	Tên, vị trí khu khai thác mỏ
1	13/GP-UBND ngày 16/01/2017	1055/TB-SXD ngày 05/4/2017	CP KTKS Tây Ninh	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát xây dựng – Cát thô).	Viện Năng suất chất lượng Deming	QCVN 16:2014	sông VCD xã Trí Bình đến Phước Vinh Châu Thành
2	234/GP-UBND ngày 29/01/2016	1896/TB-SXD ngày 21/7/2017	Công ty cổ phần Xây dựng Thành Đạt	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô. - Nhãn hiệu: TB	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	đoạn 1, đoạn 2 xã Suối Đá Dương Minh Châu
3	1374/GP-UBND ngày 02/6/2016	717/TB-SXD ngày 05//2017	Chi nhánh 2 - Cty TNHH Việt Úc	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cốt liệu nhỏ (Cát xây dựng – Cát thô).	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	QCVN 16:2014	Suối Tha La, xã Tân Phú Tân Châu
4	1816/GP-UBND ngày 07/7/2016	2442/TB-SXD ngày 01/9/2017	Công ty TNHH MTV Khai thác cát Liên Hoàng	Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Suối Bồ Hum, Hồ Dầu Tiếng, Tân Hòa Tân Châu
5	2140/GP-UBND ngày 15/8/2016	74/TB-SXD ngày 11/01/2017	Cty TNHH TM DV Phú Quân	Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Dương Minh Châu, Tây Ninh Dương Minh Châu

6	903/GP- UBND ngày 21/4/2017	1277/TB- SXD ngày 29/5/2017 (đã được thay thế bởi Thông báo số 2593/TB- SXD)	Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô. - Nhãn hiệu: Cát Hiệp Thuận.	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	đoạn 1, sông Sài Gòn cũ, xã Suối Đá	Dương Minh Châu
7	1601/GP- UBND ngày 14/7/2017	597/TB-SXD ngày 13/3/2018	DNTN Cát đá sỏi Minh Hưng	Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl 179.741,0	QCVN 16:2014	Sông Sài Gòn, đoạn từ km 19 đến km 29 thuộc địa phận xã Đôn Thuận	Tràng Bàng
8	2973/GP- UBND ngày 08/12/2017;	2540/TB- SXD Ngày 12/9/2017	DNTN Thành Phúc	Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát mịn. - Nhãn hiệu: Cát Thành Phúc	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	mỏ cát sỏi Chà Và, xã Tân Hoà,	Tân Châu
9	655/GP- UBND ngày 12/3/2018	1533/TB- SXD ngày 23/6/2017 (được thay thế bởi Thông báo số 910/TB-SXD ngày 18/4/2018	DNTN Huy Thiện	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô. - Nhãn hiệu: Cát Huy Thiện – Tây Ninh	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Suối Tha La	Tân Châu
10	687/GP- UBND ngày 14/3/2018	116/TB-SXD ngày 18/01/2017	Công ty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô. - Kích thước: 0 x 5 mm	Viện Năng suất chất lượng Deming	QCVN 16:2014	suối Tha La, xã Tân Phú, xã Suối Dây, huyện Tân Châu và rạch Bà Hào, xã Suối Đá	Dương Minh Châu
11	1799/GP- UBND ngày 1/8/2008	1791/TB- SXD ngày 11/7/2017	DNTN Trường Thắng	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa	Công ty Cổ phần Chứng nhận và	QCVN 16:2014	xã Phước Vinh và xã Biển Giỏi	Châu Thành

				vữa. - Loại: Cát mịn. - Nhãn hiệu: Cát Trường Thắng	Kiểm định VinaControl				
12	1931/GP-UBND ngày 21/9/2009	1447/TB-SXD ngày 16/6/2017	DNTN Cát Giang	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô.	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Suối Tha La	Tân Châu	
13	1993/GP-UBND ngày 28/8/2017		DNTN Tiến Triển				Sông Vàm Cỏ đông, xã Biên Giới và xã Phước Vinh	Châu Thành	
14	2248/GP-UBND ngày 26/9/2017	778/TB-SXD ngày 30/3/2018	Liên doanh công ty TNHH MTV KTTL Dầu Tiếng Phước Hòa và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu Tây Ninh	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Đoạn sông Sài Gòn cũ thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá	Dương Minh Châu	
15	1978/GP-UBND ngày 25/9/2009	2063/TB-SXD ngày 07/8/2017	DNTN Hải Hà	- Tên sản phẩm: Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Loại: Cát thô. - Nhãn hiệu: Hải Hà	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định VinaControl	QCVN 16:2014	Suối Tha La	Tân Châu	

DANH SÁCH CẤP PHÉP THẨM DÒ TỪ 2017 ĐẾN 31/3/2019
(Kèm theo Báo cáo số: 16/BC-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Tên tổ chức cá nhân được cấp giấy phép	Tên khoáng sản chính và đi kèm	Thời hạn (năm)	Tên, vị trí khu khai thác mỏ	Diện tích (m2)
Năm 2017							
1	154/GP-UBND	1/20/2017	Công ty TNHH MTV Trọng Bình	đất san lấp	02 th	ấp Xóm Mới 2, xã Trĩ Bình	10,172
2	219/GP-UBND	2/6/2017	DNTN Hoàng Anh	đất san lấp	02 th	ấp Lộc Trì, xã Hưng Thuận	19,070
3	223/GP-UBND	2/6/2017	DNTN Trần Nam	đất san lấp	02 th	ấp A, xã Tiên Thuận	15,700
4	229/GP-UBND	2/7/2017	DNTN Phương Lộc Kim Long	đất san lấp	02 th	ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Bắc	22,000
5	348/GP-UBND	2/16/2017	DNTN KTKS Trần Thiện Thanh	đất san lấp	02 th	ấp Phước Trung, xã Phước Vinh	24,000
6	441/GP-UBND	2/28/2017	DNTN Như Mai PV	ngôi và vật liệu	04 th	ấp Phước Lộc, xã Phước Vinh	32,000
7	443/GP-UBND	2/28/2017	Công ty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	cát xây dựng	03 th	đoạn suối Tha La, xã Tân Phú, xã Suối Dây, huyện Tân Châu và Rạch Bà Hào, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu	977,800
8	442/GP-UBND	2/28/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại Thanh Điền	đất san lấp	02 th	ấp Hòa Bình, xã Hòa Hội	34,400
9	648/GP-UBND	3/23/2017	DNTN Tuấn Vy	đất san lấp	02 th	ấp Long Cường, xã Long Khánh	23,300
10	1231/GP-UBND	6/6/2017	Công ty TNHH KTKS Thạnh Bình	đất san lấp	3 th	ấp Phước Thạnh, xã Thanh bình	80,131
11	1602/GP-UBND	7/14/2017	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Trĩ Khang	đất san lấp	2 th	ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Bắc	85,000
12	1873/GP-UBND	8/14/2017	Công ty TNHH MTV Khai thác cát Thông thuận liên hợp	cát xây dựng	3 th	suối Ngộ Đoạn 3, thuộc Bến Cừ Long, xã Tân Thành	425,700
13	2382/GP-UBND	10/13/2017	DNTN Nguyễn Thị Kim Nhung	đất san lấp	2 th	ấp Hòa Đồng B, xã Hòa Hiệp	60,000

14	2396/GP-UBND	10/16/2017	Công ty TNHH MTV KTKS Lộc Nguyên	cát xây dựng	3 th	rạch Bà Hảo, xã Suối Dây và xã Tân Thành	Tân Châu	886,000
15	2837/GP-UBND	11/27/2017	Công ty TNHH MTV Thành Huỳnh Ngọc	cát xây dựng	03 th	nhánh suối Tha La, xã Suối Dây	Tân Châu	380,000
16	2965/GP-UBND	12/8/2017	Công ty TNHH Duy Nhứt	vật liệu san lấp	2 th	ấp Phước Long 1, xã Phan	Phước Minh Chấn	10,000
17	3023/GP-UBND	12/13/2017	Công ty TNHH TM DV XD Trung Thành	cát xây dựng	3 th	suối Ngõ Đoan 2, thuộc Bến Cừ Long, xã Tân Thành	Tân Châu	286,400
18	3085/GP-UBND	12/20/2017	Công ty TNHH Thiện Phúc	vật liệu san lấp	3 th	ấp B, xã tiền Thuận	Bến Cầu	86,612
19	3290/GP-UBND	12/29/2017	Công ty TNHH XD TM Thanh Điền	vật liệu san lấp	2 th	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền	Châu Thành	90,338

Năm 2018

20	645/GP-UBND	3/12/2018	DNTN Nguyễn Thái Dương	vật liệu san lấp	2 th	ấp Thành Sơn, xã Thanh Tây	Tân Biên	42,751
21	903/GP-UBND	4/4/2018	DNTN Minh Trọng	cát xây dựng	3th	suối Tha La, xã Tân Hội, xã Suối Dây	Tân Châu	235,000
22	1154/GP-UBND	4/26/2018	Công ty TNHH TM DV Phú Quân	cát xây dựng	3th	rạch Bà Hảo, xã Suối Dây và xã Tân Thành	Tân Châu	280,000
23	1129/GP-UBND	4/23/2018	Công ty TNHH MTV KTKS Thiện Thành	đất san lấp	2 th	ấp Sân Bay, xã Tân Phong	Tân biên	41,000
24	1045/GP-UBND	4/16/2018	Công ty TNHH Ngọc Nữ Tây Ninh	đất san lấp	2 th	ấp Thành Hiệp, xã Thanh Bắc	Tân Biên	400,094
25	1136/GP-UBND	4/24/2018	DNTN Long Phước	ngói và vật liệu	2 th	ấp Phước Trung, xã Phước Vinh	Châu Thành	22,142
26	1273/GP-UBND	5/14/2018	DNTN Như Mai PV	vật liệu san lấp	2 th	ấp Nam Bến sói, xã Thành Long	Châu Thành	13,500
27	1341/GP-UBND	5/22/2018	DNTN Quý Tài	vật liệu san lấp	2 th	ấp Xóm Mới 2, xã Trĩ Bình	Châu Thành	28,400
28	2073/GP-UBND	8/22/2018	DNTN Tuấn Vy	vật liệu san lấp	2 th	ấp Long Hưng, xã Long Thuận	Bến Cầu	32,000
29	2074/GP-UBND	8/23/2018	DNTN Tuấn Vy	vật liệu san lấp	2 th	ấp Bình Phước, xã Bình Thạnh	Trảng Bàng	24,676
30	2191/GP-UBND	8/30/2018	Công ty TNHH Tài Minh Tây Ninh	vật liệu san lấp	2 th	ấp Xóm Mới 2, xã Trĩ Bình	Châu Thành	40,300
31	2179/GP-UBND	8/30/2018	Công ty TNHH Phước Hải Lộc	vật liệu san lấp	2 th	ấp Bình Lợi, xã Hảo Đức	Châu Thành	56,296
32	2331/GP-UBND	9/19/2018	Công ty TNHH Huỳnh Vương	vật liệu san lấp	2 th	ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Châu Thành	49,030

TỔNG CỘNG: 32 GIẤY PHÉP

PHỤ LỤC II

**Công văn triển khai thực hiện các văn bản cấp trên và Công văn điều hành,
chỉ đạo của UBND tỉnh Tây Ninh năm 2017, 2018 và 3 tháng đầu năm 2019**

(Kèm theo Báo cáo số: 165 /BC-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019

của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Các Công văn triển khai thực hiện các văn bản cấp trên như sau:

*** Năm 2017:**

- Công văn số 361/VP-KTTC ngày 23/01/2017 về việc triển khai thực hiện Công văn số 609/BTC-CST ngày 16/01/2017 của Bộ Tài chính về thuế GTGT đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản.

- Công văn số 774/VP-KTN ngày 28/02/2017 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025.

- Công văn số 817/VP-KTN ngày 01/3/2017 về việc sao gửi Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.

- Công văn số 818/VP-KTN ngày 01/3/2017 về việc sao gửi Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

- Công văn số 962/UBND-KTN ngày 17/4/2017 về việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông triển khai thực hiện Công văn số 3238/VPCP-CN ngày 04/4/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông.

- Công văn số 855/UBND-KTN ngày 05/4/2017 triển khai thực hiện Thông báo số 161/TB-VPCP ngày 24/3/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng ban chỉ đạo 138/CP tại Hội nghị về phòng chống vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi.

- Công văn số 1193/UBND-KTN ngày 10/5/2017 về tăng cường công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi triển khai thực hiện Công văn số 4341/VPCP-NC ngày 27/4/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Công văn số 3017/VP-KTN ngày 05/7/2017 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng triển khai thực hiện Công văn số 6667/VPCP-CN ngày 27/6/2017 của Văn phòng Chính phủ về tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trên phạm vi toàn quốc năm 2016.

- Công văn số 1963/UBND-KTN ngày 27/7/2017 về việc quản lý cung cầu sử dụng cát xây dựng, tăng cường sản xuất, sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên triển

khai thực hiện Công văn số 1421/BXD-VLXD ngày 22/6/2017 của Bộ Xây dựng về việc tình hình cung cầu sử dụng cát xây dựng, tăng cường sản xuất, sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên.

- Công văn số 2132/UBND-KTN ngày 14/8/2017 về việc hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản triển khai thực hiện Công văn số 3888/BTNMT-ĐCKS ngày 31/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 4508/VP-KTN ngày 27/9/2017 về việc tham mưu thực hiện Công văn số 4766/BTNMT-PC ngày 12/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện tự kiểm tra và lập danh mục văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 4631/VP-KTN ngày 04/10/2017 về việc thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình triển khai thực hiện Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25/7/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình tại Hội nghị trực tuyến về nhiệm vụ, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên cát, sỏi.

- Công văn số 4818/VP-KTN ngày 13/10/2017 về việc lập báo cáo tổng kết Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 triển khai thực hiện Công văn số 4614/BTNMT-ĐCKS ngày 05/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 4594/VP-KTN ngày 03/10/2017 về việc thực hiện Công văn số 9923/VPCP-CN ngày 19/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tình hình quản lý, khai thác, sử dụng đá vôi, đá ốp lát trên phạm vi toàn quốc.

- Công văn số 5601/VP-KTN ngày 27/11/2017 về việc cung cấp Quyết định ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên triển khai thực hiện Công văn số 6294/BTNMT-ĐCKS ngày 20/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 5753/VP-KTN ngày 04/12/2017 về việc rà soát đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản triển khai thực hiện Công văn số 6082/BTNMT-ĐCKS ngày 09/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 6135/VP-KTN ngày 22/12/2017 về việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản triển khai thực hiện Công văn số 6611/BTNMT-ĐCKS ngày 06/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** Năm 2018:**

- Công văn số 146/VP-KTN ngày 08/01/2018 về việc sao gửi Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT về việc bổ sung 1 số điều của Thông tư 45/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Công văn số 371/VP-KTN ngày 18/01/2018 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 68/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

định mức kinh tế - kỹ thuật lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền.

- Công văn số 508/VP-KTN ngày 25/01/2018 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Công văn số 843/VP-KTN ngày 12/02/2018 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 71/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Công văn số 1080/VP-KTN ngày 02/3/2018 về việc sao gửi Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình, phương pháp xác định thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

- Công văn số 2605/VP-KTN ngày 16/5/2018 về việc góp ý dự thảo nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông.

- Công văn số 2463/VP-KTN ngày 09/5/2018 về việc tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25/7/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Công văn số 3458/VP-KTN ngày 29/6/2018 về việc thực hiện Công văn số 4618/BNN-TCTL của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tình hình cấp giấy phép cho hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Công văn số 4497/VP-KTTC ngày 20/8/2018 về việc góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Công văn số 4876/VP-KTN ngày 10/9/2018 về việc thực hiện Công văn số 2158/BXD-VLXD của Bộ Xây dựng về việc lấy ý kiến dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định, thuyết minh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công văn số 5252/VP-KTN ngày 25/9/2018 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng.

- Công văn số 2387/UBND-KTN ngày 28/9/2018 về việc triển khai thực hiện nội dung Công văn số 2399/ĐCKS-KSMN ngày 05/9/2018 của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc phối hợp xử lý kết quả kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 6493/VP-KTN ngày 26/11/2018 về việc thực hiện Công văn số 6371/BTNMT-TCMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tự kiểm tra và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** 3 tháng đầu năm 2019:**

- Công văn số 1084/VP-KTN ngày 28/02/2019 về việc góp ý dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với

hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản theo Công văn số 502/BTNMT-ĐCKS ngày 30/01/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công văn số 224/UBND-KTN ngày 11/02/2019 về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực khai thác cát, sỏi.

Các Công văn điều hành, chỉ đạo như sau:

*** Năm 2017:**

- Công văn số 3423/UBND-KTN ngày 20/12/2017 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết, kinh doanh cát, sỏi trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách pháp luật về khoáng sản.

- Quy chế phối hợp số 37/QCPH-TPHCM-BRVT-ĐN-BD-TN-LN-TG-BP-LĐ về việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa các tỉnh để đảm bảo tính chủ động, kịp thời, hiệu quả và thống nhất trong công tác thanh tra, kiểm tra trong phạm vi vùng giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh; Bà Rịa Vũng Tàu; Đồng Nai; Bình Dương; Tây Ninh; Long An; Tiền Giang; Lâm Đồng; Bình Phước.

*** Năm 2018:**

- Công văn số 707/VP-TH ngày 05/02/2018 về việc kết luận cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung vào quy hoạch khoáng sản làm xi măng tại xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 35/VP-KGVX ngày 13/02/2018 về việc 03 chiến dịch tấn công mạng có nguồn gốc từ Trung Quốc.

- Công văn số 687/VP-KTN ngày 02/02/2018 về việc xây dựng báo cáo đánh giá kết quả 04 năm thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

- Công văn số 829/UBND-TH ngày 10/4/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh Tây Ninh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

- Công văn số 1835/VP-KTN ngày 06/4/2018 về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Công văn số 2255/VP-KTN ngày 26/4/2018 về việc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra hoạt động khoáng sản tại tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 về Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 2615/VP-KTN ngày 16/5/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đề xuất xử lý kiến nghị của Đoàn Thanh tra đóng cửa mỏ đá xây dựng tại núi Bà theo kết luận Thanh tra số 2308/KL-UBND.

- Công văn số 2755/VP-KTN ngày 23/5/2018 về việc hỗ trợ trong việc xử lý tàu khai thác cát trái phép trong lòng hồ Dầu Tiếng.

- Công văn số 2578/VP-KTN ngày 15/5/2018 về việc xử lý Đơn kiến nghị của tập thể người dân ấp Sân Bay, xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 2464/VP-KTN ngày 09/5/2018 về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ tham mưu xử lý, chấn chỉnh hoạt động khai thác cát khu vực hồ Dầu Tiếng do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để kiểm tra xử lý và báo cáo theo tinh thần chỉ đạo của Phó thủ tướng Chính phủ tại công văn số 4700/VPCP-V.I.

- Công văn số 3016/VP-KTN ngày 05/6/2018 về việc xử lý kiến nghị của Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 3 tại Công văn số 1533/TVDD3-CNMT ngày 29/5/2018.

- Công văn số 1392/UBND-KTN ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chấn chỉnh công tác quản lý khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng.

- Công văn số 1394/UBND-KTN ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các Bộ, ngành trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động trong công trình thủy lợi.

- Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 26/06/2018 về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 4215/VP-KTN ngày 07/8/2018 về việc kiểm tra xử lý khai thác cát trái phép trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Công văn số 4882/VP-TH ngày 10/9/2018 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về thông báo kết luận cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh về báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về xử lý, chấn chỉnh việc khai thác cát trong lòng hồ Dầu Tiếng.

- Công văn số 2286/UBND-KTN ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả xử lý thông tin phản ánh của báo chí tại hồ Dầu Tiếng. Nội dung chỉ đạo các Sở ngành và UBND các huyện liên quan triển khai thực hiện nội dung Công văn số 8555/VPCP-V.I ngày 07/9/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Công văn số 5064/VP-KTN ngày 17/9/2018 về việc phối hợp xử lý kết quả kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 5818/VP-KTN ngày 24/10/2018 về việc góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thu tiền cấp quyền khai thác

khoáng sản và tài nguyên nước.

- Công văn số 5976/VP-KTN ngày 31/10/2018 về việc truyền đạt ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh giao nhiệm vụ trả lời bằng văn bản cho DNTN Minh Trọng.

- Công văn số 5078/VP-KTN ngày 15/10/2018 về việc xử lý thông tin quản lý hoạt động khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng.

- Công văn số 6311/VP-KTN ngày 20/11/2018 về việc tham mưu chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về công tác quản lý khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng.

- Công văn số 6581/VP-KTN ngày 30/11/2018 về việc tham mưu xử lý kiến nghị của Công ty Cổ phần khai thác Khoáng sản Tây Ninh tại Công văn số 10/2018 ngày 27/11/2018 về việc xin gia hạn giấy phép khai thác cát.

- Công văn số 6591/VP-KTN ngày 03/12/2018 về việc đầu tư khai thác mỏ tại khu vực đồi 95 xã Tân Hòa huyện Tân Châu của Công ty CP xi măng Fico Tây Ninh.

- Công văn số 6590/VP-KTN ngày 03/12/2018 về việc thăm dò khai thác khoáng sản đá xây dựng tại xã Tân Hòa của Công ty TNHH TM-XK Tân Hưng Cường.

*** 3 tháng đầu năm 2019:**

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019.

- Công văn số 174/UBND-KTTC ngày 25/01/2019 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Công văn số 870/VP-NC ngày 21/02/2019 về việc sao gửi Nghị định số 12/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành./.

**Bảng số liệu tổng hợp về kết quả thẩm dò (phê duyệt trữ lượng) khoáng sản đối với giấy phép tính cấp năm 2017
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

STT	Số Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (m ³)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	127/QĐ-UBND	17/01/2017	đất san lấp		ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp		240.000	
2	119/QĐ-UBND	17/01/2017	đất san lấp đất phún		ấp Thạnh An, xã Thạnh Bình		89.600 11.021	
3	153/QĐ-UBND	20/01/2017	đất san lấp		ấp Lộc Châu, xã Lộc Hưng		201.573	
4	222/QĐ-UBND	06/02/2017	đất san lấp		ấp A, xã Tiên Thuận		259.800	
5	221/QĐ-UBND	06/02/2017	đất san lấp		ấp Cây Trắc, xã Phước Đông		129.087	
6	220/QĐ-UBND	06/02/2017	đất san lấp		ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông		144.801	
7	222/QĐ-UBND	06/02/2017	đất san lấp		ấp A, xã Tiên Thuận		259.800	
8	381/QĐ-UBND	20/02/2017	đất san lấp		ấp Long Châu, xã Long Vinh		718.134	
9	482/QĐ-UBND	03/03/2017	đất san lấp		ấp Thanh bình, xã An Bình		82.949	
10	1185/QĐ-UBND	31/05/2017	đất san lấp	64,000	ấp A, xã Tiên Thuận		112.600	
11	1666/QĐ-UBND	21/07/2017	đất san lấp	30,000	ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội		150.000	
12	1665/QĐ-UBND	21/07/2017	đất san lấp	22,167	ấp Cầu, xã Tân Phong		100.716	
13	1967/QĐ-UBND	24/08/2017	sét gạch ngói đất san lấp	13,877	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền		69.385	
14	2109/QĐ-UBND	07/09/2017	đất san lấp	34,400	ấp Hòa Bình, xã Hòa Hội		136.567	
15	2108/QĐ-UBND	07/09/2017	sét gạch ngói đất san lấp	32,000	ấp Phước Lộc, xã Phước Vinh		160.000	
16	2104/QĐ-UBND	07/09/2017	đất san lấp	19,070	ấp Lộc Trị, xã Hưng Thuận		93.073	
17	2485/QĐ-UBND	24/10/2017	đất san lấp	23,300	ấp Long cường, xã Long Khánh		118.147	
18	2371/QĐ-UBND	12/10/2017	đất san lấp	30,000	ấp Thạnh An, xã Mỏ Công		15.000	
19	2833/QĐ-UBND	27/11/2017	đất san lấp	80,131	ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Bình		546.657	
20	3086/QĐ-UBND	20/12/2017	đất san lấp	1,16 ha	ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội		34.510 21.794	
21	3087/QĐ-UBND	20/12/2017	đất san lấp	8,5 ha	ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc		630.300 534.375	

TỔNG CỘNG: 21 QUYẾT ĐỊNH

Bảng số liệu tổng hợp về kết quả thẩm dò (phê duyệt trữ lượng) khoáng sản đối với giấy phép tính cấp năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (m ³)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	15/QĐ-UBND	4/1/2018	đất san lấp	22.000	ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Bắc	Tân Biên	110.000	
2	115/QĐ-UBND	12/01/2018	đất phún, đất san lấp	15.700	ấp A, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	78.500	
3	245/QĐ-UBND	26/01/2018	cát xây dựng	220.000	Suối Ngõ, bến cừu long, xã Tân Thành	Tân Châu	537.500	
4	894/QĐ-UBND	03/04/2018	cát xây dựng	38.000	suối Tha La, xã Suối Dây	Tân Châu	961.061	
5	552/QĐ-UBND	01/03/2018	cát xây dựng	886.000	rạch Bà Hảo, xã Suối Dây, xã Tân Thành	Tân Châu	1.123.268	
6	939/QĐ-UBND	06/04/2018	cát xây dựng	381.380	suối Ngõ (đoạn 2), Bến Cừu Long, xã Tân Thành	Tân Châu	994.776	
7	996/QĐ-UBND	12/04/2018	đất san lấp	46.000	ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thành	châu thành	321.178	
8	431/QĐ-UBND	12/02/2018	đất san lấp	85.877	ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	châu thành	461.670	
9	318/QĐ-UBND	01/02/2018	cát xây dựng	234.000	Suối Ngõ, bến cừu long, xã Tân Thành	Tân Châu	371.628	
10	1318/QĐ-UBND	18/05/2018	đất phún, đất san lấp	60.000	ấp Hòa Đông B, xã Hòa Hiệp	Tân Biên	423.000	
11	1544/QĐ-UBND	19/06/2018	đất san lấp	90.338	ấp Gò Nổi, xã Ninh Diên	châu thành	623.657	
12	1886/QĐ-UBND	27/07/2018	đất san lấp	42.751	ấp Thạnh Sơn, xã Thạnh Tây	Tân Biên	279.132	
13	2475/QĐ-UBND	04/10/2018	đất san lấp	10.000	ấp Phước Long 1, xã Phan Châu	Dương Minh Châu	54.5000	
14	2557/QĐ-UBND	16/10/2018	đất san lấp	28.400	ấp Xóm Mới 2, xã Trí Bình	Châu Thành	145.850	

TỔNG CỘNG: 14 QUYẾT ĐỊNH

Biểu 01

Bảng tổng hợp hiện trạng thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh (năm 2017, 2018 và 3 tháng đầu năm 2019)

Stt	Loại khoáng sản	Tổng số giấy phép thăm dò	Tổng số giấy phép khai thác	Tổng diện tích cấp phép khai thác (m ²)	Tổng trữ lượng khai thác theo giấy phép (m ³)	Công suất khai thác theo giấy phép (m ³ /năm)	Tổng diện tích khai thác theo thực tế (m ²)	Tổng trữ lượng khai thác theo thực tế (m ³)	Công suất khai thác theo thực tế (m ³ /năm)
1	Đá xây dựng	0	01	142.000	2.915.267	450.000			
2	Cát xây dựng	07	08	4.179.156	3.575.157	273.500,0			
3	Sét gạch ngói	02	02	101.700	144.476,8	94.000			
4	Đất san lấp	22	40	1.261.177	5.176.780	1.619.106,0			
5	Than bùn								
6	Cuội sỏi								
						Không có			
						Không có			

Danh sách cấp phép năm 2017, 2018 và đến 31/3/2019

Biểu 02

Sản lượng (m³) khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (giai đoạn 2017-2019)

STT	Loại khoáng sản	Năm 2017	Năm 2018	Đến tháng 3/2019
1	Đá xây dựng	112.500	450.000	112.500
2	Cát xây dựng	132.958,3	273.500,0	68.375,0
3	Sét gạch ngói	0	34.166,7	23.500,0
4	Đất san lấp	189.818,8	1.194.836,42	378.126,5
5	Than bùn		Không có	
6	Cuội sỏi		Không có	

Danh sách cấp phép năm 2017, 2018 và đến 31/3/2019

DANH SÁCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC (TỪ 01/01/2017 ĐẾN 31/3/2019)
(Kèm theo Báo cáo số 5/BC-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Tên tổ chức cá nhân được cấp giấy phép	Tên khoáng sản chính và đi kèm	Trữ lượng khai thác (m3)	Công suất	Tên, vị trí khu khai thác mỏ	Diện tích (m2)
1	2288/GP-UBND (gia hạn của GP 901.25/7/2007)	10/3/2017	Chi nhánh Cty CP KS FICO Tây Ninh	đá xây dựng	2,915,267.0	450,000.0	ấp Lộc Trung, xã Lộc Ninh	Dương Minh Châu 142,000
2	903/GP-UBND	4/21/2017	Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	Cát Xây dựng	608,682.0	45,000.0	đoạn 1, sông Sài Gòn Cũ, xã Suối Đá	Dương Minh Châu 1,000,000
3	905/GP-UBND	4/21/2017	DNTN San lấp mặt bằng tài đức phát	đất san lấp	208,289.0	50,000.0	ấp Bàu Trăm Lớn, xã Tiên Thuận	bến Cầu 142,000
4	1601/GP-UBND	7/14/2017	DNTN Cát đá sỏi Minh Hưng	Cát xây dựng	179,741.0	50,000.0	Sông Sài Gòn, đoàn từ km 19 đến km 29 thuộc địa phận xã Đôn Thuận	Trảng Bàng 344,036
5	1661/GP-UBND	7/20/2017	Công ty TNHH Vĩnh Phúc Khang	đất san lấp	65,889.0	45,000.0	ấp B, xã Tiên Thuận	Bến Cầu 17760,4
6	1703/GP-UBND	7/27/2017	Công ty TNHH xây dựng Thanh Tuấn Phát	đất san lấp	74,580.0	44,565.0	ấp Xóm Thấp, xã Tân Phòng	Tân Biên 23,829
7	1791/GP-UBND	8/8/2017	Công ty TNHH Văn Phạm Anh	đất san lấp	58,507.5	25,000.0	ấp Lộc Trị, xã Hưng Thuận	Trảng Bàng 15,039
8	1946/GP-UBND	8/23/2017	Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	đất san lấp	79,584.0	40,000.0	phước An, xã Phước Thạnh	Gò Dầu 16,235
9	1993/GP-UBND	8/28/2017	DNTN Tiến Triển	Cát Xây dựng	85,636	30,000.0	sông Vàm Cỏ đông, xã Biên Giới và xã Phước Vĩnh	Châu Thành 102,320
10	2233/GP-UBND	9/25/2017	DNTN Khai thác khoáng sản Nguyễn Thông	đất san lấp	130,457.5	55,000.0	ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp	Tân Biên 30,000
11	2225/GP-UBND 2350/GP-UBND (gia hạn của 2225)	25/09/2017 20/9/2018	DNTN Trạm xăng dầu Kim Thủy	đất san lấp	73753 33,628	80000 67,000	ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông	Tân Châu 18,082
12	2248/GP-UBND	9/26/2017	Liên doanh công ty TNHH MTV KTTL Dầu Tiếng Phước Hòa và Công ty Cổ phần Dầu tư Xuân Cầu Tây Ninh	Cát Xây dựng	822,050.0	38,500.0	đoạn sông Sài Gòn cũ thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá	Dương Minh Châu 950,000
13	2371/GP-UBND	10/12/2017	DNTN nguyên Thị Kim Nhung	đất san lấp	123,177.0	50,000.0	ấp Thanh An, xã Mỏ Công	Tân Biên 30,000
14	2394/GP-UBND	10/16/2017	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tài Phát	đất san lấp	63914,95	40,000.0	ấp Tân Dũng, xã Tân Hà	Tân Châu 20,272
15	2486/GP-UBND	10/24/2017	DNTN Phước Long	đất san lấp	85,221.0	57,000.0	ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc	Tân Biên 24,787
16	2536/GP-UBND	10/30/2017	DNTN Gia Bảo Lộc	đất san lấp	41,161.0	30,000.0	ấp Thạnh An, xã Thạnh Bình	Tân Biên 11,200
17	2587/GP-UBND	11/2/2017	Công ty TNHH TMDV Mỹ Anh	đất san lấp	238,885.0	60,000.0	ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội	Tân Châu 49,000

18	2600/GP-UBND	11/3/2017	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Trĩ Khang (nhận chuyển nhượng từ DNTN Nhất Minh)	đất san lấp	123,226.0	40,000.0	ấp Thanh Trung, xã Thanh Tây	Tân Biên	24,600
19	2966/GP-UBND	12/8/2017	Công ty TNHH MTV Thuận Anh Đạt	đất san lấp	60,000.0	20,000.0	ấp Bến Cừ, xã Ninh Điện	Châu Thành	18,200
20	2973/GP-UBND	12/8/2017	DNTN Thanh Phúc	cát xây dựng	210,513	15,000.0	mỏ cát suối Chà Và, xã Tân Hoà,	Tân Châu	380,000
21	2933/GP-UBND	12/9/2017	Công ty TNHH MTV Long Hải Sơn	Cát Xây dựng	168,646	15,000.0	suối Bò Hút, xã Tân Hoà	Châu Thành	300,000
22	3183/GP-UBND	12/26/2017	Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	sét gạch ngói, đất san lấp	334,784 85,567	53,000 12,224	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điện	Châu Thành	69,700
23	3174/GP-UBND	12/26/2017	Công ty TNHH San lấp mặt bằng Đình Nhi	đất san lấp	386,671.0	80,000.0	ấp Bà Nhã, xã Đôn Thuận	Trảng Bàng	64,420
24	1603/GP-UBND	14/7/2017	DNTN Hải Đăng Khoa	đất san lấp	355041,46	70,000.0	ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Châu Thành	85487,7
25	380/GP-UBND	2/6/2018	DNTN Như Mai PV	sét gạch ngói, đất san lấp	144,142.0	41,000.0	ấp Phước Lộc, xã Phước Vĩnh	Châu Thành	32,000
26	655/GP-UBND	3/12/2018	DNTN Huy Thiện	Cát Xây dựng	48,866.0	20,000.0	Suối Tha La	Tân Châu	125,000
27	644/GP-UBND	3/12/2018	Công ty TNHH Thiên Tâm	đất san lấp	54,790.0	32,000.0	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điện	Châu Thành	13,877
28	687/GP-UBND	3/14/2018	Công ty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	Cát Xây dựng	1,451,023.0	60,000.0	suối Tha La, xã Tân Phú, xã Suối Dây, huyện Tân Châu và rạch Bà Hảo, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu		977,800
29	772/GP-UBND	3/21/2018	Công ty TNHH KTKS Thanh Bình	đất san lấp	546,129.0	120,000.0	ấp Thanh Phước, xã Thanh Bình	Tân Biên	80,131
30	1100/GP-UBND	4/19/2018	Công ty TNHH MTV Trọng Bình	đất san lấp	41,154.0	12,215.0	ấp Xóm Mới 2, xã Trĩ Bình	Châu Thành	10,172
31	1116/GP-UBND	4/23/2018	Công ty TNHH TM SX XNK Hưng Thuận Phát	đất san lấp	77,315.0	14,685.0	ấp Lộc Trĩ, xã Hưng Thuận	Trảng Bàng	18,400
32	1164/GP-UBND	4/27/2018	DNTN Phan Văn Cua (Bảy Dại)	đất san lấp, phân	51,793.0	26,000.0	ấp A, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	64,000
33	1214/GP-UBND	5/7/2018	DNTN Nhất Minh	đất san lấp	66,775.0	66,775.0	ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	22,167
34	1300/GP-UBND	5/16/2018	DNTN Trần Nam	đất san lấp	107,558.0	55,000.0	ấp A, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	25,980
35	1304/GP-UBND	5/17/2018	Công ty TNHH Hoàng Anh Mỹ	đất san lấp	70,617.0	14,200.0	ấp Lộc Trĩ, xã Hưng Thuận	Trảng Bàng	19,070
36	1526/GP-UBND	6/18/2018	Công ty TNHH MTV KTKS Trĩ Khang	Vật liệu san lấp	534,375.0	83,600.0	ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Bắc	Tân Biên	85,000
37	1257/GP-UBND	6/18/2018	Công ty TNHH XD TMĐT Không Gian Đẹp	Vật liệu san lấp	66,082.0	20,000.0	ấp Thanh Bình, xã An Bình	Châu Thành	16,000
38	1543/GP-UBND	6/19/2018	DNTN Quí Tài	Vật liệu san lấp	79,005.0	18,000.0	ấp Suối Muôn, xã Thái Bình	Châu Thành	16,000
39	1761/GP-UBND	7/16/2018	DNTN Phúc Thịnh Đức	Vật liệu san lấp	64,845.0	22,700.0	ấp Suối Ông Đình, xã Trà Vong	Tân Biên	18,043

[illegible]

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐÓNG CỬA MỎ
(Kèm theo Báo cáo số: 165 /BC-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Số Giấy phép	ngày cấp	Số Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ	Ngày cấp	Quyết định đóng cửa mỏ	Ngày Quyết định	Tên tổ chức cá nhân được cấp giấy phép	Tên khoáng sản chính và đi kèm	Ngày hết hạn	ấp, xã	huyện	Diện tích (m2)	Hoàn trả tiền ký quỹ
1	1074/GP-UBND	14/6/2010	1772/QĐ-UBND	5/8/2014	904/QĐ-UBND	4/27/2015	Công ty TNHH Đăng Khoa	đất san lấp	5/2/2015	ấp Lộc Trì, xã Hưng Thuận	trảng Bàng	20,799.9	
2	1544/GP-UBND	3/8/2009	2727/QĐ-UBND	26/11/2014	903/QĐ-UBND	4/27/2015	công ty TNHH SX TM Thành Danh	đất san lấp	26/2/2015	ấp Bà Nhã, xã Đôn Thuận	trảng Bàng	51,620.0	
3	2128/GP-UBND	15/11/2010	1779/QĐ-UBND	6/8/2014	1594/QĐ-UBND	7/13/2015	công ty TNHH Minh tấn	đất san lấp	6/3/2015	ấp Phước An, xã Phước Thạnh	Gò Dầu	12,902.3	
4	1062/GP-UBND	2/6/2009	2541/QĐ-UBND	3/11/2014	2099/QĐ-UBND	9/11/2015	Cơ sở Nguyễn Trung Nhon	đất san lấp	3/1/2015	ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	6,600.0	
5	979/GP-UBND	5/23/2009	2553/QĐ-UBND	11/4/2014	2097/QĐ-UBND	9/11/2015	DNTN Thanh Phú	đất san lấp		ấp Thanh Phước, xã Thanh Bình	Tân Biên	10,000.0	
6	1540/GP-UBND	8/3/2009	751/QĐ-UBND	4/13/2015	2095/QĐ-UBND	9/11/2015	Cơ sở Nguyễn Xuân Thân	đất san lấp		ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	9,000.0	
7	328/GP-UBND	2/15/2011	1697/QĐ-UBND	7/27/2015	2093/QĐ-UBND	9/11/2015	Cơ sở Nguyễn Xuân Thân	đất san lấp	#####	ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	6,062.0	
8	285/GP-UBND	30/1/2011	986/QĐ-UBND	8/5/2015	2098/QĐ-UBND	9/11/2015	Công ty TNHH MTV Viên Ngọc Xanh	đất san lấp	8/7/2015	ấp 6, xã Bàu Đồn	Gò Dầu	24,400.0	
9	2438/GP-UBND	10/23/2010	2096/QĐ-UBND	9/11/2015	2096/QĐ-UBND	9/11/2015	DNTN Thanh Phú	đất san lấp		ấp Sân Bay, xã Tân Phong và ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập	Tân Biên	16,218.0	
10	125/GP-UBND	1/17/2008	2361/QĐ-UBND	#####	2262/QĐ-UBND	10/1/2015	DNTN Thanh Phú	đất san lấp		ấp Thạnh An, xã Thanh Bình	Tân Biên	11,995.0	
11	1533/GP-UBND	7/30/2009	1550/QĐ-UBND	7/3/2015	2261/QĐ-UBND	10/1/2015	Công ty TNHH DV Mỹ Anh	đất san lấp		ấp Hội Thanh, xã Tân Hội	Châu Thành		
12	1539/GP-UBND	3/8/2009	2291/QĐ-UBND	9/10/2014	2511/QĐ-UBND	11/1/2015	Công ty TNHH XDCN Minh Dũng	đất san lấp	9/2/2015	ấp Thanh Phước, xã Thanh Bình	Tân Biên	5,360.0	
13	2527/GP-UBND	4/12/2009	2330/QĐ-UBND	14/10/2014	2516/QĐ-UBND	11/1/2015	Công ty TNHH XDCN Minh Dũng	đất san lấp	14/3/2015	ấp Thanh Phước, xã Thanh Bình	Tân Biên	8,200.0	
14	1830/GP-UBND	7/9/2009	596/QĐ-UBND	24/3/2015	2512/QĐ-UBND	11/2/2015	DNTN Tân Lập I, II	đất phún, đất san lấp	24/6/2015	ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập	Tân Biên	19,612.0	
15	2865/QĐ-UBND	12/11/2007	286/QĐ-UBND	2/7/2013	2554/QĐ-UBND	11/5/2015	Công ty TNHH SX TM Tân Vinh Phát	đá xây dựng		6B, Đông Bắc Núi Phung, ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	223,400.0	
16	2232/GP-UBND	12/1/2010	1890/QĐ-UBND	8/20/2015	2869/QĐ-UBND	#####	DNTN Tân Lập I, II	đất phún đất san lấp	2/20/2016	ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	13,279.0	

17	1036/GP-UBND	14/5/2008	28/QĐ-UBND	8/1/2015	3034/QĐ-UBND	#####	DNTN Phan Văn Cửa (Bảy Dại)	đất san lấp	8/7/2015	ấp A, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	64,050.0	
18	877/GP-UBND	28/4/2008	145/QĐ-UBND	20/1/2015	39/QĐ-UBND	1/8/2016	Công ty TNHH Thiên Phúc	đất san lấp	20/9/2015	ấp B, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	93,749.9	208,751,500
19	2125/GP-UBND	11/12/2010	2573/QĐ-UBND	11/6/2015	150/QĐ-UBND	1/20/2016	DNTN Quý Tài	đất san lấp	12/6/2015	ấp Xóm Mới 2, xã Trí Bình	Châu Thành	31,295.0	75,344,000
20	888/GP-UBND	5/15/2009	129/QĐ-UBND	1/18/2017	480/QĐ-UBND	2/29/2016	DNTN Hải Đăng Khoa	đất san lấp	7/18/2017	ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	Gò Dầu	25,000.0	
21	929/QĐ-CT	9/8/2005	146/QĐ-UBND	20/1/2015	479/QĐ-UBND	2/29/2016	DNTN Duy Chính	đất san lấp	9/6/2015	ấp A, xã Tiên Thuận và ấp Thuận Hoà, xã Lợi Thuận	Bến Cầu	30,000.0	16,645,289
22	2126/GP-UBND	11/15/2010	2679/QĐ-UBND	#####	570/QĐ-UBND	3/10/2016	DNTN Hải Đăng Khoa	đất san lấp	1/20/2016	ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Châu Thành	44,149.0	
23	882/GP-UBND	5/14/2015	148/QĐ-UBND	1/20/2015	618/QĐ-UBND	3/14/2016	DNTN Duy Chính	đất san lấp	5/20/2015	ấp A, xã Tiên Thuận và ấp Thuận Hoà, xã Lợi Thuận	Bến Cầu	27,253.0	40,500,000
24	1109/GP-UBND	5/30/2011	2104/QĐ-UBND	9/14/2015	775/QĐ-UBND	3/29/2016	Công ty TNHH MTV Ngọc Đức Duy	đất san lấp	#####	ấp Bó Lớn, xã Hòa Hội	Tân Biên	11,600.0	
25	112/GP-UBND	19/01/2010	1872/QĐ-UBND	19/8/2014	829/QĐ-UBND	4/5/2016	DNTN Như Bảo	đất san lấp	19/8/2015	ấp Lộc Trị, xã Hưng Thuận	tràng Bàng	12,812.0	
26	916/GP-UBND	5/19/2010	404/QĐ-UBND	2/23/2016	1004/QĐ-UBND	4/26/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ	đất san lấp		ấp Cây Trắc, xã Phước Đông	Gò Dầu	32,974.7	
27	977/GP-UBND	5/23/2009	2572/QĐ-UBND	11/6/2015	1123/QĐ-UBND	5/9/2016	DNTN Nhật Minh	đất san lấp	5/6/2016	ấp Cầu, xã Tân Phong	Tân Biên	16,928.0	17,863,852
28	286/GP-UBND	1/30/2011	1074/QĐ-UBND	4/29/2016	2156/QĐ-UBND	8/16/2016	Công ty TNHH MTV Tín Hiệp	đất san lấp	5/29/2016	ấp Long Hưng, xã Long Thuận	Bến Cầu	32,196.7	
29	28/GP-UBND	7/16/1998	2555/QĐ-UBND	8/26/2016	2261/QĐ-UBND	8/26/2016	Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Tây Ninh	than bùn		ấp Tầm Long, xã Trí Bình	Châu Thành	104,887.0	
30			2555/QĐ-UBND	11/5/2016	2261/QĐ-UBND	8/26/2016	Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Tây Ninh	than bùn		ấp Tầm Long, xã Trí Bình	Châu Thành	104,887.0	
31	1135/GP-UBND	10/28/2005	792/QĐ-UBND	3/30/2016	2330/QĐ-UBND	9/5/2016	Công ty TNHH Trần Hà	đất san lấp	5/30/2016	ấp Lộc Trị, xã Hưng Thuận	tràng Bàng	25,525.0	
32	2046/GP-UBND	10/1/2009	2793/QĐ-UBND	12/1/2015	2809/QĐ-UBND	#####	DNTN Gia Bảo Lộc	đất san lấp	3/1/2015	ấp Cầu, xã Tân Phong và ấp Tân Phong 1, xã Tân Lập	Tân Biên	16,128.0	
33	1889/GP-UBND	9/11/2009	3295/QĐ-UBND	#####	2579/QĐ-UBND	11/2/2016	DNTN Gia Bảo Lộc	cát xây dựng	3/23/2017	ấp Thanh Sơn, xã Thanh Tây	Tân Biên	34,200.0	
34	331/GP-UBND	2/15/2011	774/QĐ-UBND	3/29/2016	3054/QĐ-UBND	#####	Công ty TNHH thiên tâm	đất san lấp	6/29/2016	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điện	Châu Thành	29,110.0	
35	192/GP-UBND	1/3/2006	612/QĐ-UBND	25/3/2015	77/QĐ-UBND	1/12/2017	DNTN Trần Nam	đất san lấp	25/9/2015	ấp A, xã Tiên Thuận	Bến Cầu	44,025.0	

36	771/QĐ- UBND 988/QĐ- UBND	11/04/2008 11/5/2011	244/QĐ- UBND	2/2/2013	2133/QĐ- UBND	9/18/2015	Công ty TNHH Lâm Sơn	vật liệu san lấp		ấp Hòa Bình, xã Hòa Hội	Châu Thành	27,140.0	94,056,034
37	2568/QĐ- UBND 1450/QĐ- UBND	06/11/2015 06/11/2015	2075/QĐ- UBND	8/22/2018	417/QĐ- UBND	2/18/2019	DNTN Như Mai PV	đất san lấp	9/22/2018	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	21,000.0	
TỔNG CỘNG: 37 QUYẾT ĐỊNH													453,160,675



